



## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Trụ sở chính : 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng  
Nhà máy : Km 35, quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng  
Tel : +84.225.3525195 Fax : +84.225.3824562  
Email : info@lilama69-2.com.vn Web : www.lilama69-2.com.vn



Số: 21../TCKT- 2020

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2020

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**
2. Mã chứng khoán: **L62**
3. Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
4. Điện thoại: 02253.525 195 Fax: 02253.824 562
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Bà Trần Thị Hương** Kế toán trưởng Công ty
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2020 sau kiểm toán, báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu năm 2020 sau kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020 sau kiểm toán của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

7. Địa chỉ Website đăng tải: <http://www.lilama69-2.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

**NGƯỜI ĐƯỢC UQ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Nơi nhận:**

- Như k. gửi,
- Lưu.



**Trần Thị Hương**



# **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

**Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020**

# MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
2	<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>5</b>
3	<b>Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được</b>	
	<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp giữa niên độ</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp</i>	10 - 32



## **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 69-2 trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020.

#### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200155547 ngày 29/12/2017, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.982.430.000 đồng (Tám mươi hai tỷ, chín trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200155547 ngày 29/12/2017 ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;



## **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

#### **2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2020 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm**

Ông Vũ Kế Chương	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Trương Đức Thành	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Trần Xuân Trường	Thành viên hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Minh	Thành viên hội đồng quản trị

##### **Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm**

Ông Vũ Kế Chương	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giám Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc

#### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Vũ Kế Chương, chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

#### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm.

#### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

#### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty.

#### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **7. Phê duyệt các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Vũ Kế Chương**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2020





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.  
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Số: 051/2020/BCSXTH-PB.00081

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Lilama 69-2

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (sau đây gọi là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2020, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 tại ngày 30/06/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**ÔNG THẾ ĐỨC**

Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0855-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>443.188.085.211</b>	<b>483.473.358.674</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>7.376.870.800</b>	<b>2.571.081.516</b>
1. Tiền	111		7.376.870.800	2.571.081.516
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>224.002.149.511</b>	<b>232.616.936.042</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	163.966.395.139	185.203.477.290
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.750.125.356	14.535.282.152
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	52.341.659.106	39.934.206.690
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.056.030.090)	(7.056.030.090)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>211.747.518.833</b>	<b>248.148.665.661</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.4	211.747.518.833	248.148.665.661
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>61.546.067</b>	<b>136.675.455</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5.a	61.546.067	136.675.455
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>108.035.246.527</b>	<b>110.344.925.617</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.117.964.396</b>	<b>2.964.638.587</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	2.117.964.396	2.964.638.587
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>82.196.352.797</b>	<b>83.862.583.978</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	81.552.416.331	83.140.436.600
- Nguyên giá	222		180.945.400.150	178.634.531.638
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99.392.983.819)	(95.494.095.038)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	643.936.466	722.147.378
- Nguyên giá	225		1.251.374.545	1.251.374.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(607.438.079)	(529.227.167)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	-	-
- Nguyên giá	228		935.731.847	935.731.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(935.731.847)	(935.731.847)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	5.9	<b>17.262.302.031</b>	<b>17.013.348.345</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17.262.302.031	17.013.348.345
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.020.000.000</b>	<b>1.020.000.000</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.438.627.303</b>	<b>5.484.354.707</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5.b	5.438.627.303	5.484.354.707
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>551.223.331.738</b>	<b>593.818.284.291</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>440.754.203.854</b>	<b>483.951.120.036</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>431.001.068.573</b>	<b>470.925.736.346</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	71.035.186.363	86.465.925.769
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		46.231.703.326	89.145.188.629
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11a	8.101.450.749	1.204.628.525
4. Phải trả người lao động	314		708.160.090	2.324.596.239
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	30.104.488.889	21.798.678.137
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	570.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	18.640.268.743	15.357.103.223
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	254.821.232.102	252.650.937.513
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.358.578.311	1.408.678.311
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.753.135.281</b>	<b>13.025.383.690</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	9.753.135.281	13.025.383.690
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>110.469.127.884</b>	<b>109.867.164.255</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>110.469.127.884</b>	<b>109.867.164.255</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.982.430.000	82.982.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		82.982.430.000	82.982.430.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.462.273	36.462.273
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.955.021.940	20.955.021.940
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.434.956.890	3.434.956.890
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.060.256.781	2.458.293.152
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.458.293.152	1.150.101.890
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		601.963.629	1.308.191.262
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>551.223.331.738</b>	<b>593.818.284.291</b>



**Vũ Kế Chương**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2020

**Trần Thị Hường**  
**Kế toán trưởng**

**Vũ Bích Chi**  
**Người lập**



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
			VND	VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>192.407.850.793</b>	<b>202.409.823.663</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>192.407.850.793</b>	<b>202.409.823.663</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>6.2</b>	<b>168.379.352.947</b>	<b>177.051.591.745</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>24.028.497.846</b>	<b>25.358.231.918</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	33.029.067	62.828.569
7. Chi phí tài chính	22	6.4	14.372.667.360	14.542.476.414
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.333.357.561</i>	<i>14.405.789.705</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	9.431.268.715	8.785.452.922
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>257.590.838</b>	<b>2.093.131.151</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	620.789.664	395.761.659
12. Chi phí khác	32	6.7	100.743.537	970.795.026
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>520.046.127</b>	<b>(575.033.367)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>777.636.965</b>	<b>1.518.097.784</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	175.673.336	473.979.013
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>601.963.629</b>	<b>1.044.118.771</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	73	126
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		73	126



**Vũ Kế Chương**  
**Tổng Giám đốc**  
 Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2020

**Trần Thị Hường**  
**Kế toán trưởng**

**Vũ Bích Chi**  
**Người lập**



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2020 VND	2019 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	181.724.695.967	231.694.064.702
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(142.554.369.469)	(212.444.587.457)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(23.248.104.756)	(37.994.633.238)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(16.153.686.768)	(12.551.378.192)
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(200.000.000)	(393.914.904)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	12.132.755.490	15.685.438.839
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(3.271.118.650)	(8.370.592.940)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>8.430.171.814</b>	<b>(24.375.603.190)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.541.955.363)	(2.690.194.216)
2. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.514.649	12.998.345
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.514.440.714)</b>	<b>(2.677.195.871)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ	31	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	76.704.076.079	139.521.444.308
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(77.684.429.897)	(113.466.127.286)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(121.600.002)	(121.600.002)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.101.953.820)</b>	<b>25.933.717.020</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>4.813.777.280</b>	<b>(1.119.082.041)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>2.571.081.516</b>	<b>6.990.441.314</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(7.987.996)	(23.336.547)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>7.376.870.800</b>	<b>5.848.022.726</b>



**Vũ Kế Chương**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2020

**Trần Thị Hương**  
**Kế toán trưởng**

**Vũ Bích Chi**  
**Người lập**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020**

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

#### **1. Đặc điểm hoạt động**

##### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.982.430.000 đồng, tổng số cổ phần là 8.298.243 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

##### **1.2 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa.

##### **1.3 Cấu trúc của Công ty**

Tại ngày 30/06/2020, công ty có 01 công ty con và 01 chi nhánh hạch toán độc lập, cụ thể:



## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

<i>Tên Công ty</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa Lilama 69-2	Công ty con	Quận Hồng Bàng – TP. Hải Phòng	Xây lắp	51%
Chi nhánh Công ty CP Lilama 69-2 – Xí nghiệp lắp máy và xuất nhập khẩu	Chi nhánh hạch toán độc lập	Quận Hồng Bàng – TP. Hải Phòng	Xây lắp	

#### 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

#### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

##### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

##### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

##### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

##### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng



## **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020**

tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### **4.6 Tài sản cố định và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

#### **4.8 Vốn chủ sở hữu**

##### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

##### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ



## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### **Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### **Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

#### **4.9 Ghi nhận doanh thu**

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **4.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### **4.11 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;



## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

#### 4.12 Công cụ tài chính

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

##### Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuận hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 4.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

#### 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

##### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	999.150.059	1.580.531.342
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.377.720.741	990.550.174
<b>Cộng</b>	<b>7.376.870.800</b>	<b>2.571.081.516</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5.2 Phải thu khách hàng**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên không liên quan</b>	<b>163.966.395.139</b>	<b>185.203.477.290</b>
Công ty TNHH CT điện lực Kaidi Vũ Hán		
- Trung Quốc - VPDH CT tại Quảng Ninh HD 020	3.751.845.934	4.251.845.934
- Công ty Lập máy Việt Nam- Dự án Nhiệt điện Sông Hậu số HD 000016/11/AMA/11/002	6.218.597.559	6.235.097.559
- Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Olympia HD 616 - KS Accor Sapa	8.976.739.034	14.854.926.867
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Trí Đức	5.680.411.478	8.280.411.478
- Công ty cổ phần Gas Việt Nhật	13.700.388.759	18.508.561.358
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải và tư vấn Đông Nam á	8.020.990.647	16.619.990.647
- Viện nghiên cứu cơ khí	17.474.486.700	-
- Khách hàng khác	100.142.935.028	116.452.643.447
<b>Cộng</b>	<b>163.966.395.139</b>	<b>185.203.477.290</b>

**Nợ xấu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Cty Dệt kim Hải Phòng	71.340.916	-
- Contrexim - khu phụ trợ XMHP	146.166.157	-
- Nguyễn Hữu Dân	8.648.000	-
- Cty CP Dệt may XK Hải Phòng	3.530.030.467	-
- Công trình đúc Tân Long	3.028.418.120	-
- Contrexim - công trình cảng Cái Lân	27.826.530	-
- Nhà máy TĂ gia súc Thái Bình	18.194.000	-
- Cột phát sóng ăng ten Cát Bà	12.000.000	-
- Hoàng Thế Bách	13.815.000	-
- Cty CN tàu thủy Ngô Quyền HP	199.590.900	-
<b>Cộng</b>	<b>7.056.030.090</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5.3 Các khoản phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>52.341.659.106</b>	-	<b>39.934.206.690</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	2.785.303.905	-	2.975.188.512	-
- Phải thu khác	4.334.605.887	-	3.978.079.020	-
- Tạm ứng	45.221.749.314	-	32.980.939.158	-
<b>Dài hạn</b>	<b>2.117.964.396</b>	-	<b>2.964.638.587</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	2.117.964.396	-	2.964.638.587	-
<b>Cộng</b>	<b>54.459.623.502</b>	-	<b>42.898.845.277</b>	-

**5.4 Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	41.555.665.207	-	29.443.454.346	-
Công cụ, dụng cụ	668.572.528	-	1.348.730.115	-
Chi phí SXKD DD	169.523.281.098	-	217.356.481.200	-
<b>Cộng</b>	<b>211.747.518.833</b>	-	<b>248.148.665.661</b>	-

**5.5 Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>61.546.067</b>	<b>136.675.455</b>
- Các khoản khác	61.546.067	136.675.455
<b>b. Dài hạn</b>	<b>5.438.627.303</b>	<b>5.484.354.707</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	104.314.682	175.656.445
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	357.030.256	272.109.844
- Các khoản khác	4.977.282.365	5.036.588.418
<b>Cộng</b>	<b>5.500.173.370</b>	<b>5.621.030.162</b>

**5.6 Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm	TSCĐ	Cộng
	máy vi tính VND	vô hình khác VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
Số cuối kỳ	-	935.731.847	935.731.847
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
Số cuối kỳ	-	935.731.847	935.731.847
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số đầu năm	84.574.582.783	56.772.560.646	36.849.630.897	437.757.312	-	178.634.531.638
- Mua trong kỳ	-	991.368.512	1.319.500.000	-	-	2.310.868.512
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>84.574.582.783</u>	<u>57.763.929.158</u>	<u>38.169.130.897</u>	<u>437.757.312</u>	<u>-</u>	<u>180.945.400.150</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số đầu năm	28.519.374.424	31.130.361.260	35.490.111.508	354.247.846	-	95.494.095.038
- Khấu hao trong kỳ	1.998.566.013	1.319.183.369	565.830.075	15.309.324	-	3.898.888.781
- Giảm khác - Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>30.517.940.437</u>	<u>32.449.544.629</u>	<u>36.055.941.583</u>	<u>369.557.170</u>	<u>-</u>	<u>99.392.983.819</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số đầu năm	<u>56.055.208.359</u>	<u>25.642.199.386</u>	<u>1.359.519.389</u>	<u>83.509.466</u>	<u>-</u>	<u>83.140.436.600</u>
Số cuối kỳ	<u>54.056.642.346</u>	<u>25.314.384.529</u>	<u>2.113.189.314</u>	<u>68.200.142</u>	<u>-</u>	<u>81.552.416.331</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

54.721.124.629 đồng  
53.833.216.011 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5.8 Tài sản cố định thuê tài chính**

	Phương tiện vận tải truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng  <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	1.251.374.545	-	1.251.374.545
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>1.251.374.545</u>	<u>-</u>	<u>1.251.374.545</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số đầu năm	529.227.167	-	529.227.167
- Khấu hao trong kỳ	78.210.912	-	78.210.912
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>607.438.079</u>	<u>-</u>	<u>607.438.079</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	<u>722.147.378</u>	<u>-</u>	<u>722.147.378</u>
Số cuối kỳ	<u>643.936.466</u>	<u>-</u>	<u>643.936.466</u>

**5.9 Tài sản dở dang dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Các dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2017 trở về trước	12.778.945.998	12.754.381.108
- Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2018	3.033.035.090	3.045.240.166
- Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2019	1.450.320.943	1.213.727.071
<b>Cộng</b>	<u>17.262.302.031</u>	<u>17.013.348.345</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thương Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5.10 Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>71.035.186.363</b>	<b>71.035.186.363</b>	<b>86.465.925.769</b>	<b>86.465.925.769</b>
- C.ty CP Thương Mại và Đầu Tư Thành Phúc	1.898.117.765	1.898.117.765	1.865.838.485	1.865.838.485
- C.TY Cổ Phần Thương Mại Hàng Hóa Quốc Tế IPC	7.358.714.653	7.358.714.653	7.358.714.653	7.358.714.653
- Công ty CP Phát triển Công nghiệp Hoàng Dương	8.295.809.881	8.295.809.881	8.295.809.881	8.295.809.881
- Công ty TNHH gia công cơ khí Minh Long	3.051.126.735	3.051.126.735	3.154.441.335	3.154.441.335
- Công ty CP Thương Mại Thái Giang	1.829.486.344	1.829.486.344	2.491.837.499	2.491.837.499
- Công ty Cổ phần Lilama 69-1	8.173.641.854	8.173.641.854	-	-
- Công ty TNHH thương mại xây dựng TPT	1.480.581.357	1.480.581.357	1.480.581.357	1.480.581.357
- Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Mạnh Hòa	1.830.400.000	1.830.400.000	2.224.464.000	2.224.464.000
- Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp T&T CONS	2.649.308.191	2.649.308.191	-	-
- Phải trả khác	34.467.999.583	34.467.999.583	59.594.238.559	59.594.238.559
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>71.035.186.363</b>	<b>71.035.186.363</b>	<b>86.465.925.769</b>	<b>86.465.925.769</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối kỳ VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>1.204.628.525</b>	<b>8.557.547.216</b>	<b>1.660.724.992</b>	<b>8.101.450.749</b>
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	355.229.532	7.907.721.973	1.336.844.692	6.926.106.813
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	268.188.587	175.673.336	200.000.000	243.861.923
- Thuế thu nhập cá nhân	81.577.399	46.935.107	-	128.512.506
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	324.216.800	20.880.300	303.336.500
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	499.633.007	100.000.000	100.000.000	499.633.007
<b>Cộng</b>	<b>1.204.628.525</b>	<b>8.557.547.216</b>	<b>1.660.724.992</b>	<b>8.101.450.749</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5.12 Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>30.104.488.889</b>	<b>21.798.678.137</b>
- Trích trước chi phí công trình	30.005.854.333	19.879.714.374
- Trích trước lãi vay phải trả	98.634.556	1.918.963.763
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>30.104.488.889</b>	<b>21.798.678.137</b>

**5.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>18.640.268.743</b>	<b>15.357.103.223</b>
- Kinh phí công đoàn	2.910.394.506	2.779.650.754
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	5.200.268.338	3.457.791.285
- Bảo hiểm thất nghiệp	489.980.545	323.328.449
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.039.625.354	8.796.332.735
+ Đoàn phí công đoàn	1.145.001.478	1.026.672.478
+ Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Lilama 69-2	4.687.246.804	4.687.246.804
+ Phải trả đối tượng khác	4.207.377.072	3.082.413.453
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>18.640.268.743</b>	<b>15.357.103.223</b>





## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

#### 5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp)

(1) Vay Ngân hàng SHB chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 722/2019/HDHM-PN/SHB 110400 ngày 30/08/2019, thời hạn vay tối đa là 11 tháng, hạn mức vay tối đa là 250 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản quy định trong hợp đồng thế chấp số 391/14.BĐ/133.PTV ngày 19/03/2014; Hợp đồng số 733/KD/09.TCTS ngày 30/12/2008; Hợp đồng số 1075/12.BĐ/346.NA ngày 30/05/2014; Hợp đồng số 0502/2013/TCQĐN/SHB.HP ngày 04/02/2013; Hợp đồng số 392A/14/BĐ/134.PTV ngày 19/03/2014 và Hợp đồng số 393/14.BĐ/135/PTV ngày 19/03/2014, Hợp đồng thế chấp số 17811/2014/HĐTC-QĐN/SHB 110400 ngày 28/11/2014, Hợp đồng thế chấp số: 5805/2015/HĐTC-QĐN/SHB 110400 ngày 04/05/2015, Hợp đồng thế chấp số: 14412/2016/TCQĐN/SHB/ 114000 ngày 02/12/2016, Hợp đồng thế chấp số: 164/2018/TCQĐN/SHB.11040 ngày 23/03/2018, Hợp đồng thế chấp số: 303/2018/TCQĐN/SHB.110400 ngày 14/06/2018.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 17896.19.257.1339407.TD ngày 27/05/2019, thời hạn cấp tín dụng đến ngày 17/04/2020, hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh là 50 tỷ đồng. Mục đích vay để tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp công trình và sản xuất thiết bị lọc bụi tĩnh điện của khách hàng, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản và các quyền đòi nợ.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 10074/20MB/HĐTD ký ngày 25/06/2020, thời hạn 12 tháng, hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng. Mục đích vay để thanh toán LC do HDBank phát hành để nhập khẩu thép, thanh toán tiền thuế nhập khẩu, tài trợ vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay là lô hàng thép hình thành từ vốn vay và quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng thi công của Lilama 69-2 quy định trong hợp đồng thế chấp tài sản số 3496/18MB/HĐBĐ ký ngày 17/04/2019.

(4) Khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số SHB14L2106/2009/HĐT/TDH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009; Mục đích vay để đầu tư Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện; thời hạn vay là 90 tháng; lãi suất vay thả nổi điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án hình thành sau đầu tư.

(5) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 141.15.257.1339407.TD ngày 03/09/2015, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 64877.16.257.1339407.TD ngày 30/09/2016, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 18791.18.257.1339407.TD ngày 03/07/2018, hạn mức cho vay 10,5 tỷ đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để phục vụ đầu tư nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh năm 2018 của công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020**

---

- Hợp đồng tín dụng số 27577.19.257.1339407.TD ngày 19/07/2019, hạn mức cho vay 2,471 tỷ đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư thiết bị công trực và cần trực. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 33837.19.257.1339407.TD ngày 11/09/2019, hạn mức cho vay 10,29 tỷ đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư năng lực sản xuất công ty năm 2019. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

<sup>(6)</sup> Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng thuê tài chính 43.16.01/CTTC ngày 11/8/2016, thời hạn 48 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 972.800.000 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi suất cơ bản đồng Việt Nam do Công ty cho thuê tài chính – NHTMCP Ngoại thương Việt Nam công bố vào thời điểm thanh toán cộng biên độ 2,3%.



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5.15 Vốn chủ sở hữu****5.15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2020</b>	<b>82.982.430.000</b>	<b>36.462.273</b>	<b>-</b>	<b>20.955.021.940</b>	<b>3.434.956.890</b>	<b>2.458.293.152</b>	<b>109.867.164.255</b>
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	601.963.629	601.963.629
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>30/06/2020</b>	<b>82.982.430.000</b>	<b>36.462.273</b>	<b>-</b>	<b>20.955.021.940</b>	<b>3.434.956.890</b>	<b>3.060.256.781</b>	<b>110.469.127.884</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**5.15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Công ty CP Đầu tư công nghiệp nặng Việt Hải	11.046.560.000	11.046.560.000
- Nguyễn Xuân Kỳ	11.903.700.000	11.903.700.000
- Trần Xuân Trường	6.549.830.000	6.549.830.000
- Hoàng Sĩ Khang	6.985.290.000	6.985.290.000
- Vũ Khắc Nhiệm	6.985.290.000	6.985.290.000
- Hoàng Trung Kiên	5.198.350.000	5.198.350.000
- Vốn góp của cổ đông khác	34.313.410.000	34.313.410.000
<b>Cộng</b>	<b>82.982.430.000</b>	<b>82.982.430.000</b>

**5.15.3 Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ CP	Số đầu năm CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
- Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	192.407.850.793	202.409.823.663
<b>Cộng</b>	<b>192.407.850.793</b>	<b>202.409.823.663</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
- Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ	168.379.352.947	177.051.591.745
<b>Cộng</b>	<b>168.379.352.947</b>	<b>177.051.591.745</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.484.667	16.355.416
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.544.400	46.473.153
<b>Cộng</b>	<b>33.029.067</b>	<b>62.828.569</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
- Chi phí lãi vay	14.333.357.561	14.405.789.705
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	544.202	48.587.014
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	38.765.597	70.164.516
- Chi phí tài chính khác	-	17.935.179
<b>Cộng</b>	<b>14.372.667.360</b>	<b>14.542.476.414</b>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	158.394.137	165.051.567
- Chi phí nhân công	7.161.272.235	6.703.449.706
- Chi phí khấu hao TSCĐ	359.045.383	326.007.881
- Thuế, phí, lệ phí	305.745.500	128.115.805
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	499.353.103	874.160.469
- Chi phí khác bằng tiền	947.458.357	588.667.494
<b>Cộng</b>	<b>9.431.268.715</b>	<b>8.785.452.922</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	296.000.000
- Tiền hỗ trợ vận chuyển	615.239.599	-
- Các khoản khác	5.550.065	99.761.659
<b>Cộng</b>	<b>620.789.664</b>	<b>395.761.659</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**6.7. Chi phí khác**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
- Các khoản bị phạt, chậm nộp thuế	100.591.000	781.632.775
- Các khoản chi phí khác	152.537	189.162.251
<b>Cộng</b>	<b>100.743.537</b>	<b>970.795.026</b>

**6.8. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>777.636.965</b>	<b>1.518.097.784</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>100.591.000</b>	<b>851.797.291</b>
- Các khoản chi phí (phạt)	100.591.000	781.632.775
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	70.164.516
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>878.227.965</b>	<b>2.369.895.075</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>175.673.336</b>	<b>473.979.013</b>

**6.9. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu***Lãi cơ bản trên cổ phiếu:*

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	601.963.629	1.044.118.771
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	8.298.243	8.298.243
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>73</b>	<b>126</b>

*Lãi suy giảm trên cổ phiếu:*

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	601.963.629	1.044.118.771
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm (CP)	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>73</b>	<b>126</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	86.923.235.474	86.170.332.897
Chi phí nhân công	32.808.139.831	40.173.772.762
Khấu hao tài sản cố định	3.977.099.693	4.002.923.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.002.050.271	24.854.993.924
Chi phí bằng tiền khác	18.193.857.607	23.783.746.833
<b>Cộng</b>	<b>173.904.382.877</b>	<b>178.985.769.490</b>

**6.11 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối kỳ VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.376.870.800	2.571.081.516
Phải thu khách hàng và phải thu khác	218.426.018.641	228.102.322.567
Đầu tư dài hạn	1.020.000.000	1.020.000.000
<b>Cộng</b>	<b>226.822.889.441</b>	<b>231.693.404.083</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	264.574.367.383	265.676.321.203
Phải trả người bán và phải trả khác	81.074.811.717	95.262.258.504
Chi phí phải trả	30.104.488.889	21.798.678.137
<b>Cộng</b>	<b>375.753.667.989</b>	<b>382.737.257.844</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(148.930.778.548)</b>	<b>(151.043.853.761)</b>

Tại ngày 30/6/2020 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	254.821.232.102	9.753.135.281	264.574.367.383
Phải trả người bán và phải trả khác	81.074.811.717	-	81.074.811.717
Chi phí phải trả	30.104.488.889	-	30.104.488.889
<b>Cộng</b>	<b>366.000.532.708</b>	<b>9.753.135.281</b>	<b>375.753.667.989</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	252.650.937.513	13.025.383.690	265.676.321.203
Phải trả người bán và phải trả khác	95.262.258.504	-	95.262.258.504
Chi phí phải trả	21.798.678.137	-	21.798.678.137
<b>Cộng</b>	<b>369.711.874.154</b>	<b>13.025.383.690</b>	<b>382.737.257.844</b>

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.376.870.800	-	7.376.870.800
Phải thu khách hàng và phải thu khác	216.308.054.245	2.117.964.396	218.426.018.641
Đầu tư dài hạn	-	1.020.000.000	1.020.000.000
<b>Cộng</b>	<b>223.684.925.045</b>	<b>3.137.964.396</b>	<b>226.822.889.441</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.571.081.516	-	2.571.081.516
Phải thu khách hàng và phải thu khác	225.137.683.980	2.964.638.587	228.102.322.567
Đầu tư dài hạn	-	1.020.000.000	1.020.000.000
<b>Cộng</b>	<b>227.708.765.496</b>	<b>3.984.638.587</b>	<b>231.693.404.083</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**6.12. Báo cáo bộ phận***Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh*

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	192.407.850.793	-	192.407.850.793
Khấu hao và chi phí phân bổ	3.977.099.693	-	3.977.099.693
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	601.963.629	-	601.963.629
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	2.541.955.363	-	2.541.955.363
Tài sản bộ phận	551.223.331.738	-	551.223.331.738
<b>Tổng tài sản</b>	<b>551.223.331.738</b>	<b>-</b>	<b>551.223.331.738</b>
Nợ phải trả bộ phận	440.754.203.854	-	440.754.203.854
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>440.754.203.854</b>	<b>-</b>	<b>440.754.203.854</b>

*Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo lĩnh vực địa lý*

	Miền Bắc	Miền Nam, Miền Trung, Tây Nguyên	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	192.407.850.793	-	192.407.850.793
Tài sản bộ phận	551.223.331.738	-	551.223.331.738
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	2.541.955.363	-	2.541.955.363

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

**6.13 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
- USD	7.985,35	862,00
- EUR	161,82	371,82

**7. Thông tin khác****7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
<b>Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, HĐQT</b>	<b>659.643.000</b>	<b>908.553.919</b>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban TGD	659.643.000	908.553.919

**7.3 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu năm 2019 đã được soát xét.



**Vũ Kế Chương**  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2020

**Trần Thị Hương**  
Kế toán trưởng

**Vũ Bích Chi**  
Người lập